

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/DS-ST
Ngày: 13-5-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn;
2. Ông Nguyễn Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 428/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc R, sinh 1957; Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T; Có mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà R: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Phước Hội A, xã P, huyện G, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 11-7-2023); Có mặt;

Đồng Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1971; Chị Nguyễn Kim L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc R và người đại diện hợp pháp của bà R anh Trần Quốc T trình bày:*

Bà R là chủ hụi, vợ chồng anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L là hụi viên, có tham gia góp hụi do bà R làm chủ hụi của các dây hụi cụ thể:

Hụi 3.000.000 đồng tháng khai ngày 30-01-2023 DL gồm 25 phần, mãi ngày 30-01-2025, thỏa thuận trừ cò 1.500.000 đồng, vợ chồng anh H tham gia 01 phần, ngày 30-01-2023, kêu 1.340.000 đồng hốt được 38.340.000 đồng, sau khi vợ chồng anh H hốt hụi đã đóng hụi chết cho bà R đến tháng 03/2023 thì ngưng không đóng và còn nợ số tiền 22 kỳ X 3.000.000 đồng = 66.000.000 đồng; và tiền hụi chết của tháng 3/2023 đã đóng 500.000 đồng, còn nợ lại 2.500.000 đồng. Tổng cộng trong đây hụi này còn nợ tiền hụi chết là 68.500.000 đồng.

Hụi 3.000.000 đồng khai ngày 20/12/2021 DL, gồm 25 phần, trừ cò 1.500.000 đồng, tham gia ½ phần (tương ứng trừ cò 750.000 đồng), đã hốt hụi được số tiền 19.050.000 đồng, đã đóng hụi chết đến 30-3-20223 thì ngưng nên còn nợ lại 09 kỳ X 1.500.000 đồng = 13.500.000 đồng.

Khi anh H chị L nhận tiền hụi đã hốt đều có ký nhận sổ với bà R.

Do anh H, chị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ hụi đã hốt nên bà R khởi kiện yêu cầu anh H, chị L phải trả cho bà số tiền 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn anh Ngô Văn H, chị Nguyễn Kim L đã được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định; xác định đúng tư cách tố tụng; đảm bảo thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định; đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập, công khai và bình đẳng. Các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật, chấp hành nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về nội dung: Căn cứ Điều 471 của Bộ Luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-20219 của Chính phủ về hộ hụi, bưu phường và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” của bà Huỳnh Ngọc R đối với anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L.

Buộc anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền hụi còn nợ là 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng); Ghi nhận bà R không không yêu cầu tính lãi suất;

Án phí: anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đồng Bị đơn anh H, chị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo chứng cứ trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn bà R cung cấp thể hiện bà R là chủ hội, vợ chồng anh H và chị L là hội viên thể hiện trong danh sách hội viên do bà R lập cụ thể: Loại hội 3.000.000 đồng tháng khai ngày 30-01-2023 DL gồm 25 phần, mần ngày 30-01-2025, thỏa thuận trừ còn 1.500.000 đồng, vợ chồng anh H, chị L có tham gia 01 phần với tên “Đèo H” tại số thứ tự 04, kèm theo bản gốc giấy nhận tiền hội đã hót vào ngày 30-01-2023, kêu 1.340.000 đồng hót được 38.340.000 đồng (BL 07), đã đóng hội chết cho bà R đến tháng 03/2023 thì ngưng không đóng và còn nợ số tiền 22 kỳ tương ứng số tiền 66.000.000 đồng cộng với tiền hội chết của tháng 3/2023 đã đóng 500.000 đồng, còn nợ lại 2.500.000 đồng. Tổng cộng trong đây hội này còn nợ tiền hội chết là 68.500.000 đồng; Loại hội 3.000.000 đồng khai ngày 20/12/2021 DL gồm 25 phần, anh H, chị L tham gia ½ phần, với tên “Đèo Khương” tại số thứ tự 18, đã hót hội 19.050.000 đồng (BL 08), đã đóng hội chết đến 30-3-20223 thì ngưng nên còn nợ lại 09 kỳ hội chết tương ứng số tiền 13.500.000 đồng. Do vợ chồng anh H chị L đã hót hội và đóng hội chết không đầy đủ, còn nợ bà R số tiền 82.000.000 đồng, dẫn đến thiệt hại cho bà R không có khả năng chèoang hội, hội bị bể, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với vợ chồng anh H, chị L đã được Tòa án Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ thông qua thừa phát lại, có trực tiếp ký nhận nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến phản đối ý kiến hay chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R nên mặc nhiên thừa nhận các chứng cứ bà R cung cấp và yêu cầu khởi kiện của bà R là có thật. Do đó chứng cứ bà R cung cấp và khởi kiện của bà R yêu cầu chị L anh H phải trả số tiền hội còn nợ 82.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Xét về yêu cầu tính lãi: Bà R không có yêu cầu trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét và ghi nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc R. Buộc anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền 82.000.000 đồng. Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi suất;

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP và Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí: anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L phải chịu 4.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Ngọc R thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí khi khởi kiện, nên không phải chịu án phí và không được hoàn trả tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ Luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-20219 của Chính phủ về hộ tịch, biên phòng và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” của bà Huỳnh Ngọc R đối với anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L.

Buộc anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng);

Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi suất;

Kể từ ngày Bà Huỳnh Ngọc R có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Kim L phải chịu 4.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Ngọc R thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí khi khởi kiện, nên không phải chịu án phí và không được hoàn trả tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh
-VKSND huyện G, tỉnh T;
-CCTHADS huyện Gò Dầu;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

